

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2025/HNGĐ-ST**

Ngày **10-02-2025**

Về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Thị Ngọc The

2. Bà Nguyễn Thị Việt Tím

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 236/2024/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Phước L - sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu phố Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

(vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Phước L tự tìm hiểu quen biết khoảng 2 tháng rồi đi đến chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Tân Hiệp, huyện T, tỉnh Kiên Giang ngày 14/01/2008.

Lý do xin ly hôn: Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chị T cho rằng do anh L thường hay đi nhậu về nhà đập phá đồ đạc rồi đánh đập chị T, anh L hay hăm dọa

giết cắt cô chị T, anh L không có trách nhiệm với gia đình, đi làm nhưng không đưa tiền cho chị T lo cho con cái ăn học, vợ chồng thường hay cự cãi, có lối sống không phù hợp, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, chung sống với anh L không có hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân từ tháng 10/2023 cho đến nay.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: Nguyễn Phước H , sinh ngày 18/10/2008 và Nguyễn Thị Yến N , sinh ngày 25/9/2015. Hiện hai cháu đang ở với chị T.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa chị T yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết.

*** Tại biên bản hoà giải ngày 28/11/2024 bị đơn anh Nguyễn Phước L trình bày:**

Anh L đồng ý với lời trình bày của chị T về ngày vợ chồng chung sống, đăng ký kết hôn, có 02 con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung như chị T trình bày là đúng. Còn nguyên nhân mâu thuẫn theo anh L là do vợ chồng không hiểu nhau, mâu thuẫn không có gì lớn, anh L đi làm ở công ty nhưng lương thấp nên chị T khi dễ anh L, anh L đưa tiền nhưng chị T không lấy, anh L cũng có nhậu nhưng 1 tuần mới nhậu 1 lần, anh L có hăm dọa nhưng không có đánh chị T, anh L còn thương vợ con nên không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa anh L yêu cầu:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh L không đồng ý ly hôn với chị T vì anh L còn thương vợ con.

- Về con chung: Anh L đồng ý giao hai con cho chị T nuôi dưỡng, anh L không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy

định của pháp luật.

* Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T .

- Về quan hệ con chung: Đề nghị giao hai cháu Nguyễn Phước H , sinh ngày 18/10/2008 và Nguyễn Thị Yến N , sinh ngày 25/9/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, là phù hợp với quy định pháp luật, do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh L xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Phước L có địa chỉ và hộ khẩu thường trú tại Khu phố Đ, thị trấn T, huyện T , tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T .

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét mối quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L chung sống với nhau được UBND thị trấn Tân Hiệp, huyện T , tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 05, ngày 14/01/2008, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin được ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận. Bởi vì, vợ chồng anh chị chung sống với nhau đến cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T cho rằng do anh L thường đi nhậu về nhà đập phá đồ đạc rồi đánh đập chị T, anh L hay hăm dọa giết cắt cổ chị Tiên, anh L không có trách nhiệm với gia đình, đi làm nhưng không đưa tiền cho chị T lo cho con cái ăn học, vợ chồng thường hay cự cãi, từ đó làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt.

Tại phiên tòa, chị T thể hiện rõ quan điểm muốn ly hôn, không muốn đoàn tụ. Mặt khác, chị T và anh L hai bên đã ly thân với nhau từ tháng 10/2023 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, trong phần nghị án Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T được ly hôn với anh L. Bác yêu cầu xin đoàn tụ của anh L.

[3] Về quan hệ con chung: Chị T và anh L chung sống có 02 người con tên Nguyễn Phước H, sinh ngày 18/10/2008 và Nguyễn Thị Yến N, sinh ngày 25/9/2015.

Xét thấy, cháu H và Yến N hiện đang sống với chị T, và nguyện vọng của Phước H và Yến N là muốn ở với chị T, hai cháu Phước H và Yến N được chị T nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển về mọi mặt, Hội đồng xét xử thống nhất giao cho chị T tiếp tục nuôi hai con là phù hợp, chị T có khả năng nuôi con nên không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] Về tài sản, nữ trang chung, nợ chung: Chị T và anh L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị T phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Phước L .

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được nuôi hai người con tên Nguyễn Phước H , sinh ngày 18/10/2008 và Nguyễn Thị Yến N , sinh ngày 25/9/2015. Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Phước L cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Phước L tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. Về quan hệ tài sản, nữ trang chung, nợ chung: Chị T và anh L xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003714 ngày 20/09/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Tân Hiệp;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến